



BÀI 8

ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

TS. Nguyễn Thị Hoàn
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân



MỤC TIÊU

- Nắm được mục tiêu, nguyên tắc, phương châm đối ngoại của Đảng ta.
- Nắm được nội dung đường lối đối ngoại của Đảng từ thời kỳ 1975 - 1986 và những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân cần khắc phục.
- Nắm được nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng thời kỳ đổi mới; những kết quả đã đạt được sau 25 năm thực hiện đường lối này.





TÌNH HUỐNG KHỞI ĐỘNG

Khi nói đến đường lối đối ngoại của Đảng, có rất nhiều bài học kinh nghiệm, nhiều ý kiến xung quanh vấn đề này:

- Lẽ ra Việt Nam có thể gia nhập ASEAN, bình thường hóa quan hệ với Mỹ ngay từ thập niên 70.
- Chúng ta bỏ lỡ cơ hội bình thường hóa quan hệ với Mỹ cũng như gia nhập ASEAN từ thập niên 70 và để mãi đến năm 1995 mới thực hiện.



Trong thời kỳ chúng ta thực hiện đường lối đối ngoại đổi mới từ 1986 đến nay, chúng ta có những bài học gì, kinh nghiệm gì trong đối ngoại?



NỘI DUNG

- 1** Đường lối đối ngoại từ 1975 - 1986
- 2** Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới



1. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI TỪ 1975 - 1986

1.1. Mục tiêu, nguyên tắc, phương châm công tác đối ngoại

1.2. Những căn cứ để Đảng đề ra đường lối thời kỳ 1975 - 1986

1.3. Nội dung đường lối và kết quả thực hiện thời kỳ 1975 - 1986



1.1. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG CHÂM CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI

- **Mục tiêu:** Tận dụng sức mạnh của thời đại để giành độc lập dân tộc, bảo vệ và phát triển đất nước, đồng thời thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm quốc tế của Đảng và nhà nước ta.
- **Nguyên tắc:** Tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nước khác, bình đẳng và cùng có lợi.
- **Phương châm:** độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác và phát triển.





1.2. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ ĐẢNG ĐỀ RA ĐƯỜNG LỐI THỜI KỲ 1975 – 1986

Tình hình thế giới:

- Sự tiến bộ nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ thập kỷ 70 thế kỷ XX đã thúc đẩy lực lượng sản xuất thế giới phát triển mạnh. Nhật Bản và Tây Âu vươn lên trở thành hai trung tâm lớn của kinh tế thế giới.
- Xu thế chạy đua phát triển kinh tế đã dẫn đến cục diện hoà hoãn giữa các nước lớn.
- Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã lớn mạnh và mở rộng phạm vi (với thắng lợi của cách mạng Việt Nam và các nước Đông Dương năm 1975), tuy nhiên, từ giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX, tình hình kinh tế – xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa xuất hiện sự trì trệ và mất ổn định, trong các nước xã hội chủ nghĩa cũng xuất hiện những mâu thuẫn bất đồng.
- Khu vực Đông Nam Á cũng có những chuyển biến mới: sau năm 1975, Mỹ rút quân khỏi Đông Nam Á, khối quân sự SEATO tan rã; ngày 24/2/1976, các nước ASEAN ký hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (Hiệp ước Bali), mở ra cục diện hoà bình, hợp tác trong khu vực.



1.2. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ ĐẢNG ĐỀ RA ĐƯỜNG LỐI THỜI KỲ 1975 – 1986 (tiếp theo)

Tình hình trong nước:

- Năm 1975 nước ta hoàn toàn giải phóng, tổ quốc hòa bình, thống nhất cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với khí thế của một dân tộc vừa giành được thắng lợi vĩ đại.
- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đạt được một số thành tựu quan trọng.
- Tuy nhiên, hậu quả chiến tranh nặng nề chưa khắc phục được thì chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc xảy ra.
- Các thế lực thù địch sử dụng những âm mưu thâm độc phá hoại nước ta.
- Mặt khác, do tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội trong một thời gian ngắn đã dẫn đến những khó khăn về kinh tế, xã hội.





1.3. NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỜI KỲ 1975 - 1986

Nội dung đường lối

Đại hội IV của đã xác định:

- Nhiệm vụ đối ngoại của nước ta trong thời kỳ mới:
“Ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta”.
- Chủ trương đối ngoại :
 - Củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa;
 - Bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào – Campuchia;





1.3. NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỜI KỲ 1975 - 1986

- Sẵn sàng thiết lập phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực;
- Thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa Việt Nam với tất cả các nước .
- Từ giữa năm 1978, Đảng đã điều chỉnh một số chủ trương, chính sách đối ngoại như: chú trọng củng cố, tăng cường hợp tác về mọi mặt với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam; nhấn mạnh yêu cầu ra sức bảo vệ mối quan hệ đặc biệt Việt – Lào trong bối cảnh vấn đề Campuchia đang diễn biến phức tạp; chủ trương góp phần xây dựng khu vực Đông Nam Á hoà bình, tự do, trung lập và ổn định; đề ra yêu cầu mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.





1.3. NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỜI KỲ 1975 – 1986 (tiếp theo)

Đại hội lần thứ V của Đảng (3/1982) xác định:

- Nhiệm vụ đối ngoại: Công tác đối ngoại phải trở thành một mặt trận chủ động, tích cực trong đấu tranh nhằm làm thất bại chính sách của các thế lực hiếu chiến mưu toan chống phá cách mạng nước ta.
- Chủ trương, chính sách đối ngoại:
 - Tiếp tục nhấn mạnh đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược và luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam;
 - Xác định quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào – Campuchia có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của ba dân tộc;





1.3. NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỜI KỲ 1975 – 1986 (tiếp theo)

- Kêu gọi các nước ASEAN hãy cùng các nước Đông Dương đối thoại và thương lượng để giải quyết các trở ngại, nhằm xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình và ổn định;
- Khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình;
- Thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt nhà nước, về kinh tế, văn hoá, khoa học, kỹ thuật với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị.





1.3. NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỜI KỲ 1975 – 1986 (tiếp theo)

Thực tế cho thấy, ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn (1975 - 1986) là xây dựng quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; củng cố và tăng cường đoàn kết hợp tác với Lào và Campuchia; mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước không liên kết và các nước đang phát triển; đấu tranh với sự bao vây cấm vận của các thế lực thù địch.

Kết quả: Việc mở rộng quan hệ đối ngoại và hợp tác kinh tế với nước ngoài, cải thiện quan hệ với các nước trong khu vực đã góp phần hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng lại đất nước: Từ năm 1975 đến năm 1977 nước ta đã thiết lập thêm quan hệ ngoại giao với 23 nước, trở thành thành viên chính thức của Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á, Liên hợp quốc...



2. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

2.1. Những cơ sở để Đảng đề ra đường lối

2.2. Quá trình hình thành đường lối

2.3. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế

2.4. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân



2.1. NHỮNG CƠ SỞ ĐỂ ĐẢNG ĐỀ RA ĐƯỜNG LỐI

Tình hình thế giới từ giữa thập niên 80 của thế kỷ XX

- Từ giữa những năm 1980, cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ, với các đợt sóng công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin đã tạo ra những bước nhảy vọt về tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, tạo ra nhiều ngành kinh tế mới và thúc đẩy kinh tế tri thức.
- Cải cách và mở cửa đã xuất hiện như một trào lưu tại nhiều nước trên thế giới.
- Toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập quốc tế tạo ra những cơ hội và thách thức đối với tất cả các nước mà trước hết là các nước đang phát triển và chậm phát triển. Các nước lớn chuyển hướng hoặc điều chỉnh chiến lược đối ngoại vừa hợp tác vừa đấu tranh, vừa kiềm chế lẫn nhau và tăng cường chạy đua kinh tế.





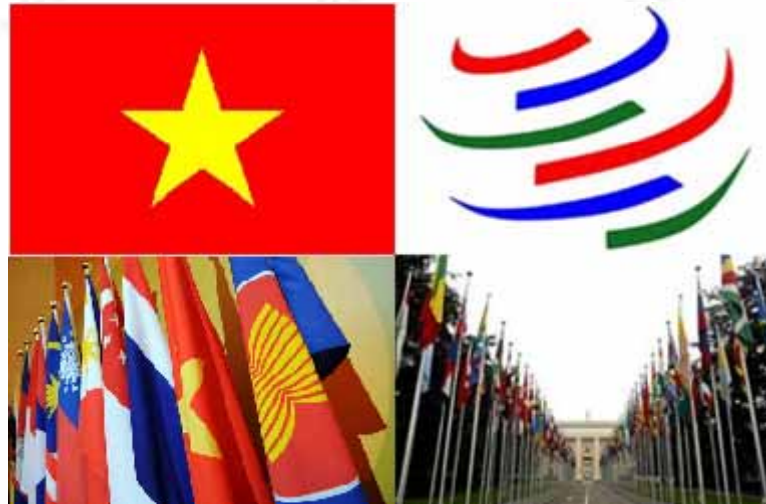
2.1. NHỮNG CƠ SỞ ĐỂ ĐẢNG ĐỀ RA ĐƯỜNG LỐI (tiếp theo)

- Cục diện chính trị thế giới thay đổi nhanh chóng, phức tạp. Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng sâu sắc, trật tự thế giới hai cực tan rã, mở ra thời kỳ mới của trật tự thế giới.
- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á có nhiều chuyển biến mới: từ những năm 1990, tuy vẫn tồn tại những bất ổn như vấn đề hạt nhân, tranh chấp lãnh hải ở biển Đông và việc một số nước tăng cường vũ trang hay rơi vào khủng hoảng tài chính tiền tệ, nhưng châu Á - Thái Bình Dương vẫn được đánh giá là khu vực ổn định; có tiềm lực lớn và năng động về phát triển kinh tế, một số quốc gia vươn lên trở thành những “con rồng”, “con hổ mới”.





2.1. NHỮNG CƠ SỞ ĐỂ ĐẢNG ĐỀ RA ĐƯỜNG LỐI (tiếp theo)



Yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam

- Phá bỏ qua sự bao vây, cấm vận của chủ nghĩa đế quốc, giải toả tình trạng đối đầu, bình thường hoá và mở rộng quan hệ với các nước trước hết là các nước láng giềng và khu vực.
- Tạo môi trường quốc tế thuận lợi để phát triển kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tránh nguy cơ tụt hậu về mọi mặt của đất nước.



2.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐƯỜNG LỐI

Giai đoạn 1986 - 1996: Xác lập đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế.

- Đại hội VI của Đảng (12/1986) nhận định: “xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế – xã hội khác nhau, cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Từ đó Đảng đề ra yêu cầu mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, với các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Theo đó, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành tháng 12/1987 tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.





2.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐƯỜNG LỐI (tiếp theo)

- Tháng 5/1988, Bộ chính trị ra nghị quyết số 13 về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới, khẳng định: mục tiêu chiến lược và lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là phải củng cố và giữ vững hoà bình, tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế; chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình; lợi dụng sự phát triển của cách mạng khoa học – kỹ thuật và xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới để tranh thủ vị trí có lợi nhất trong phân công lao động quốc tế; kiên quyết mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, ra sức đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.
- Nghị quyết số 13 của Bộ chính trị đánh dấu sự đổi mới tư duy quan hệ quốc tế và chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của Đảng ta, đặt nền móng hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế.



2.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐƯỜNG LỐI (tiếp theo)

- Đại hội VII của Đảng (6/1991): “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”; chủ trương với các đối tác cụ thể: Lào, Campuchia, Trung Quốc, các nước Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương, quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ.
- Các Hội nghị Trung ương (khoá VII): Hội nghị lần thứ ba (tháng 6/1992); Hội nghị giữa nhiệm kỳ (1/1994) tiếp tục cụ thể hoá quan điểm của Đảng về lĩnh vực đối ngoại, chủ trương triển khai mạnh mẽ và đồng bộ đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ đối ngoại.



Như vậy, quan điểm chủ trương đối ngoại rộng mở được đề ra từ Đại hội lần thứ VI, sau đó được các nghị quyết trung ương từ khoá VI đến khoá VII phát triển đã hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế.



2.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐƯỜNG LỐI (tiếp theo)

Giai đoạn 1996 - 2011: Bổ sung và phát triển đường lối đối ngoại theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

- Đại hội VIII đề ra các chủ trương mới:
 - Chủ trương mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.
 - Mở rộng đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ.
 - Đưa ra chủ trương thử nghiệm và tiến tới thực hiện đầu tư ra nước ngoài.
- Đại hội IX của Đảng (4/2001):
 - Lần đầu tiên nêu rõ quan điểm của Đảng về xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.
 - Nêu quan điểm: Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.
 - Nêu lên quan điểm: xây dựng quan hệ đối tác.
- Đại hội X (4/2006), đưa ra chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.
- Đại hội XI (1/2011), đưa ra chủ trương: hội nhập quốc tế, thể hiện quan điểm của Đảng ta là hội nhập toàn diện cả kinh tế, chính trị, văn hoá, an ninh, quốc phòng...



2.3. NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng đối ngoại:

- Mục tiêu, nhiệm vụ:
 - Giữ vững môi trường hòa bình ổn định của đất nước.
 - Tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới.
 - Nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trong quan hệ quốc tế, góp phần tích cực vào sự ổn định, hợp tác và phát triển của thế giới.
- Tư tưởng chỉ đạo:
 - Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của Việt nam.
 - Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.
 - Nắm vững 2 mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế.
 - Kết hợp đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.
 - Xác định hội nhập kinh tế là công việc của toàn dân.



2.3. NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP QUỐC TẾ (tiếp theo)

Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế

- Đưa các quan hệ quốc tế đã thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững.
- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp.
- Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với nguyên tắc, quy định của WTO.
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và các sản phẩm hội nhập kinh tế quốc tế.
- Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập.
- Giữ vững và tăng cường quốc phòng an ninh.
- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng với đối ngoại nhân dân, chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại.
- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý Nhà nước với các hoạt động đối ngoại.



2.4. THÀNH TỰU, Ý NGHĨA, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

- **Thành tựu:**

- Phá thế bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan.
- Mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá.
- Tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế.
- Mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý.
- Từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh.

- **Ý nghĩa:**

- Tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài, kết hợp với các nguồn lực trong nước đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách vững bước tiến lên trên con đường cách mạng đã lựa chọn.
- Nâng cao vị thế và phát huy được vai trò nước ta trên trường quốc tế.



2.4. THÀNH TỰU, Ý NGHĨA, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN (tiếp theo)

- **Những hạn chế chủ yếu:**
 - Lúng túng và bị động;
 - Cơ chế, chính sách chậm đổi mới;
 - Tầm nhìn dài hạn;
 - Năng lực cạnh tranh;
 - Đội ngũ cán bộ.
- **Các nguyên nhân cần khắc phục:**
 - Công tác dự báo;
 - Phối hợp yếu;
 - Thiếu đồng bộ.



Tóm lại, đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế từ năm 1986 đến năm 2011 mặc dù còn những hạn chế, nhưng có ý nghĩa rất quan trọng: góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, thế và lực của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế. Các thành tựu đối ngoại trong 25 năm qua đã chứng minh đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới là đúng đắn và sáng tạo.



GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG

- Năm 1976, các nước ASEAN ký Hiệp ước Bali, mong muốn mời Việt Nam gia nhập ASEAN. Tuy lúc đó chúng ta có chính sách 4 điểm mới, nhưng chính sách thứ tư của Việt Nam vẫn coi ASEAN là công cụ trá hình, một tổ chức theo đuôi của nước Mỹ. Dù Việt Nam đã có những cải thiện quan hệ với các nước ASEAN và ký kết một số hiệp định thương mại, tuy nhiên, hai bên vẫn chưa hiểu nhau, nghi kỵ vẫn chưa được xóa bỏ.
- Khi truy quét tàn quân Pol Pot buộc chúng ta phải vượt qua biên giới Campuchia tiến sâu vào lãnh thổ Thái Lan. Tờ Bưu điện Thái Lan đã lên tiếng coi đây là hành động xâm lược của Việt Nam và dấy lên làn sóng trong các nước Đông Nam Á là Việt Nam nhân cơ hội đánh chiếm các nước Đông Nam Á.
- Tháng 11/1978 Việt Nam ký Hiệp định hữu nghị hợp tác với Liên Xô trong khi Liên Xô và Trung Quốc vẫn đang có mâu thuẫn, bất đồng.
- Do Việt Nam xử lý không khéo mối quan hệ đối ngoại giữa Liên Xô và Trung Quốc, sự hiểu biết của các nước với Việt Nam không nhiều đã gây hiểu lầm giữa các nước trong khu vực với Việt Nam, khiến Việt Nam lâm vào thế bao vây, cô lập trong một thời gian dài.
- Năm 1986, chúng ta đặt ra mục tiêu phải phá bỏ thế bao vây cấm vận, trước hết phải cải thiện mối quan hệ với các nước trong khu vực và Trung Quốc.
- Bài học trong việc thực hiện đường lối đối ngoại: Việc cân bằng mối quan hệ giữa các nước, đặc biệt với các nước lớn hết sức quan trọng. Chúng ta phải giữ vững được sự độc lập, tự chủ, tạo ra lợi thế để bảo vệ quyền lợi của dân tộc.



TÓM LƯỢC CUỐI BÀI

- Như vậy, nghiên cứu Đường lối đối ngoại của Đảng ta từ sau năm 1975 đến nay đã cho thấy những thành tựu và cả hạn chế trong thực tiễn ngoại giao Việt Nam. Rất nhiều bài học kinh nghiệm vẫn mang tính thời sự đối với chúng ta cho đến tận ngày hôm nay.
- Nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên hàng đầu là hết sức quan trọng. Lời dạy của Bác “Thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to thì tiếng mới lớn” đã cho thấy trách nhiệm lớn lao của thế hệ hôm nay với tương lai và vận mệnh của dân tộc.



CÂU HỎI TỰ LUẬN

Dựa trên cơ sở nào mà Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế thời kỳ đổi mới? Nêu ý nghĩa các thành tựu đã đạt được về đối ngoại thời kỳ đổi mới?

Gợi ý:

- Những thay đổi của thế giới (nêu cụ thể các thay đổi).
- Yêu cầu đặt ra của đất nước (yêu cầu cụ thể).
- Ý nghĩa:
 - Đường lối đã thể hiện sự nhạy bén, sáng suốt của Đảng ta trong việc hoạch định và thực hiện đường lối đối ngoại.
 - Mở ra thời kỳ mới trong quan hệ quốc tế của Đảng, Nhà nước ta.
 - Đem lại những kết quả tích cực cho sự phát triển của đất nước (nêu kết quả chính).



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM 1

“Lúng túng, bị động” là hạn chế trong quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam với đối tác nào mà giáo trình môn học đã chỉ ra ở bài này?

- a) Các nước lớn.
- b) Các nước láng giềng.
- c) Các nước trong khu vực.
- d) Trung Quốc.

Trả lời:

Đáp án đúng là: a) Các nước lớn.



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM 2

Đại hội nào của Đảng đưa ra chủ trương: Xây dựng quan hệ đối tác với các nước?

- a) Đại hội VI.
- b) Đại hội VIII.
- c) Đại hội IX.
- d) Đại hội XI.

Trả lời:

Đáp án đúng là: b) Đại hội VIII.



CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Ưu tiên trong Chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1975 - 1986 là gì? Vì sao?
2. Trình bày kết quả và ý nghĩa về đối ngoại của Việt Nam thời kỳ 1975 - 1986?
3. Văn kiện nào đánh dấu sự đổi mới tư duy quan hệ quốc tế và chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của Đảng ta, đặt nền móng hình thành đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế? Vì sao?
4. Đường lối đối ngoại theo phương châm “chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế” được Đảng nêu ra ở Đại hội nào? Nêu một số thành tựu cơ bản mà Việt Nam đã đạt được sau 25 năm đổi mới về đối ngoại.
5. Phân tích nội dung chủ yếu đường lối đối ngoại thời kỳ 1986 - 2011?